

CHƯƠNG 3: NGŨ HÀNH

Với đầu đề này, ta đi vào xem xét cụ thể về tính chất nhiều mặt của nó. Trước hết, ta hãy xem xét những bản văn có ghi chép về quy luật ngũ hành tiêu biểu cho nhiều loại ứng dụng của nó. Trên cơ sở đó, ta không bỏ sót các khía cạnh, không đánh giá hạn hẹp, hay sai lầm về nó.

A. Những đoạn văn trích về Ngũ hành

Ở những đoạn văn trích về ngũ hành, tôi trích trọn vẹn những chi tiết của quy luật, không cắt bỏ, để có đầy đủ cơ sở xem xét, đánh giá. Lối làm này có thể có những đoạn hơi dài, nhưng theo tôi là cần thiết, thứ tự các đoạn văn sắp xếp như sau:

- Tuệ Tĩnh giải thích về âm dương ngũ hành qua đoạn "Khí hoá-âm dương".
- Ngũ hành theo sách "Nội kinh" được Dương Kế Châu ghi lại trong sách "Châm cứu đại thành".
- Ngũ hành trong thiên Hồng phạm.
- Ngũ hành trong thiên Nguyệt lệnh.
- Lời bàn về ngũ hành của Trâu Diễn.
- Lời bàn về ngũ hành trong vũ trụ luận của Đổng Trọng Thư.

1. Tuệ Tĩnh giải thích về âm dương ngũ hành qua đoạn "khí hoá - âm dương"

Trong sách "Hồng nghĩa giác tư y thư" (nhà xuất bản y học Hà Nội, 1978), trang 66, tác giả Tuệ Tĩnh đã giải thích phần khí hoá - âm dương ở "Tăng bổ tập vạn kim nhất thống thuật" như sau:

"Khí hoá - âm dương".

"Vạn kim" là tinh tuý của muôn hình tượng.

"Nhất thống" là then máy của một tổng quát.

Thái sơ là khí mới bắt đầu.

Thái cực là hình mới bắt đầu.

Thái tố là chất mới bắt đầu.

Trời là khí nhẹ, trong mà nổi lên.

Đất là khí nặng, đục mà lắng xuống.

Tinh của khí dương là mặt trời, mọc ở phương đông, mà lặn ở Phương tây.

Tinh của khí âm là mặt trăng, ban đêm hiện ra, mà ban ngày ẩn đi.

Trời khuyết phương tây bắc, cho nên phương tây bắc là âm mà tai mắt bên phải con người không tinh bằng bên trái.

Đất khuyết phương đông nam, cho nên phương đông nam là dương mà chân tay bên trái của con người không mạnh bằng , bên phải.

Khí trời giáng xuống, khí đất bốc lên. Trong âm có dương, trong dương có âm. Từ sáng sớm (tảng sáng đến giữa trưa) thuộc phần dương của ngày là dương trong dương. Từ giữa trưa đến chạng vạng tối, cũng thuộc phần dương của ngày, nhưng là âm trong dương. Từ chạng vạng tối đến lúc gà gáy, thuộc phần âm của ngày, là âm trong âm. Từ gà gáy đến sáng, cũng thuộc phần âm của ngày, nhưng là dương trong âm.

Cho nên người ta cũng tương ứng như vậy.

Trời đất là trên, dưới của muôn vật, âm dương là đối đãi của khí huyết, nam nữ, bên trái, bên phải là đường lối của âm dương, thủy hỏa là chứng nghiệm của âm dương, kim mộc là đầu mối của sự sinh thành.

- Khí đen tụ ở trên không, nước (thủy) bắt đầu sinh.
- Khí đỏ rực ở trên không, lửa (hỏa) bắt đầu sinh.
- Khí xanh ở trên không, loài cây (mộc) bắt đầu sinh.
- Khí trắng ngáng ở trên không, loài kim (kim) bắt đầu sinh.
- Khí vàng rộ ở trên không, đất (thổ) bắt đầu sinh.

Trời đất kết khí với nhau mà muôn vật được chung đúc.

Nam nữ giao tinh với nhau mà muôn vật được hoá sinh.

Tam tài là trời, đất, người. Con người riêng được chính khí của trời đất, tinh khôn hơn muôn vật.

Mệnh là cái bẩm phú của trời.

Tinh là cái nguồn gốc của cơ thể.

Hình là nhà ở của sinh mệnh.

Khí là cơ bản của sinh mệnh

Thần là chủ tể của sinh mệnh.

2. Ngũ hành theo sách "Nội kinh" được Dương Kế Châu ghi lại trong sách "Châm cứu đại thành".

Trong sách "Châm cứu đại thành" của Dương Kế Châu đời Minh (nhà xuất bản nhân dân vệ sinh xuất bản xã Bắc Kinh, 1973 , từ trang 192 đến trang 224) ông đã trích ở "Nội kinh" những phần nói về ngũ hành tương ứng với tâm sinh lý con người để đưa vào phần nói về tạng phủ, kinh lạc, huyết vi. Nay trích dịch lại những phần nói về tương ứng giữa ngũ hành với tạng phủ và sinh lý, bệnh lý như sau:

Thủ thái âm phế' kinh huyết chủ trị..

"Nội kinh" nói rằng: Phế là chức vụ phó tướng, chủ về tiết xuất

Phế là gốc của khí, là chỗ chứa của phách, cái đó thấy rõ ở lông, sung (đầy đủ) ở da, là thái âm trong dương, thông với khí mùa thu.

Phương tây màu trắng, thông vào với phế, khai khiếu ở mũi, tàng tinh ở phế, làm bệnh ở lưng trên, vị là cay, loài là kim, súc là ngựa, ứng với bốn mùa. Trên trời thấy sao Thái bạch đã biết là bệnh ở da lông, âm là thương, số là 9(*), mùi là tanh, dịch là nước mũi.

Phương tây sinh tảo (khí tảo) tảo sinh kim, kim sinh cay, cay sinh phế, phế sinh da lông, da lông sinh thận.

(*) ở sách CCĐT đã xếp các số sau các âm, đó là số lần luyện khí công bằng âm máy

Phế chủ mũi, ở trời là táo, ở đất là kim, ở thân người là da lông, ở tạng là phổi, ở tiếng là khóc, ở biến động là ho, ở chí là lo buồn, nóng hại da lông, lạnh thắng nóng, cay hại da lông đắng thắng cay...

Túc thái âm ty kinh huyết chủ trị:

"Nội kinh" nói rằng: Tỳ là chức quan gián nghị, trí vòng quanh ở đó mà ra.

Cái tỳ, cái gốc của kho chứa, chỗ ở của sự tươi tốt, cái đó thấy rõ ở môi, tứ bạch, cái đó biến hoá ở bắp thịt, là loại âm tột bậc, thông với thổ khí, riêng một lạng đó quán tứ phương, tỳ chủ tứ chi, cùng với vị mà làm ra tân dịch.

Trung ương màu vàng, thông vào với tỳ, khai khiếu ở miệng, tàng tinh ở tỳ, làm bệnh ở gốc lưỡi, vị đó là ngọt, súc đó là trâu, lúa đó là lúa tẻ, cái đó ứng bốn mùa. Trên trời thấy sao Trấn đã biết là bệnh ở bắp thịt, âm đó là cung, số đó là 5, mùi là thơm, dịch là nước dãi.

Trung ương sinh thấp, thấp sinh thổ, thổ sinh vị ngọt, vị ngọt sinh tỳ, tỳ sinh bắp thịt, thịt sinh phế, phế chủ miệng. Ở trời là thấp, ở đất là thổ, ở thân thể là thịt, ở tạng là tỳ, ở tiếng là lời ca, ở biến động là oẹ, ở chí là suy nghĩ, suy nghĩ thì hại tỳ, giận thắng suy nghĩ thấp làm hại thịt, phong thắng thấp, ngọt làm hại thịt, chua thắng ngọt...

Thủ thiếu âm tâm kinh huyết chủ trị:

"Nội kinh" nói rằng: Tâm là chức vụ quân chủ, thần minh từ đó mà ra.

Tâm là gốc của sự sống, thần của biến, cái đó thấy rõ ở mặt, cái đó sung ở huyết mạch, là dương trong thái dương, thông với khí mùa hạ.

Phương nam màu đỏ, thông vào với tâm, khai khiếu ở lưỡi, chứa tinh ở tâm, làm bệnh ở ngũ tạng, vị đó đắng, loại đó là hoả, súc là dê, cốc là lúa nếp, cái đó ứng bốn mùa. Trên trời thấy sao Vinh hoặc, là đã biết bệnh ở mạch, âm là chùy, số là 7, mùi là khét, dịch là mồ hôi.

Phương nam sinh nhiệt, nhiệt sinh hoả, hoả sinh vị đắng, vị đắng sinh tâm, tâm sinh huyết, huyết sinh tỳ, tâm chủ lưỡi. Ở trên trời là nhiệt, ở đất là hoả, trên

thân người là mạch, ở tạng là tâm, ở tiếng là tiếng cười, ở biến động là lo lắng (ưu), ở chí là vui mừng. Vui mừng hại tâm, sợ thắng vui, nhiệt hại khí, hàn thắng nhiệt, đắng hại khí, mặn thắng đắng...

Túc thiếu âm thận kinh huyết chủ trị:

"Nội kinh" nói rằng: Cái thận, chức vụ tác quan, kỹ xảo từ đó mà ra.

Cái thận, chủ ẩn nấu, cái gốc của sự chứa kín, tinh ở đó.

Phương bắc, màu đen, thông vào với thận, khai khiếu ở tai, tàng tinh ở thận, làm bệnh tại khe, vị đó mặn, loại là thuỷ, súc là lợn, cốc là đậu, là ứng với bốn mùa. Trên trời thấy sao Thìn, là đã biết bệnh đó ở xương, âm là vũ, số là 6, mùi là khai, dịch là nước bọt.

Phương bắc sinh ra lạnh, lạnh sinh thuỷ (nước) thuỷ sinh ra vị mặn, mặn sinh thận, thận sinh ra xương tuỷ, tuỷ sinh can, thận chủ tai. ở trời là lạnh, ở đất là nước, ở thể là xương, ở tạng là thận. ở tiếng là rên, ở biến động là run rẩy, ở chí là sợ hãi, sợ hãi hại thận, lo nghĩ thắng sợ hãi. Hàn hại huyết, táo thắng hàn, mặn hại huyết, ngọt thắng mặn..."

Túc quyết âm can kinh huyết chủ trị:

"Nội kinh" nói rằng: can là chức vụ tướng quân, mưu lược từ đó mà ra.

Can, cái gốc của sự quyết đoán, chỗ ở của hồn. Cái đó thấy rõ ở móng, cái đó sung ở gân, đã sinh ra huyết khí, là dương trong thiếu dương, thông với khí mùa xuân.

Phương đông màu xanh, thông với can, khai khiếu ở mắt, chứa tinh ở gan, là bệnh phát co giật, vị là chua, loài là thảo mộc, súc là gà, cốc là mạch, là ứng với bốn mùa, trên trời là Tuế tinh, thì đã biết là bệnh ở gân. âm là giốc, số là 8, mùi là hôi, dịch là nước mắt.

Phương đông sinh phong, phong sinh mộc, mộc sinh vị chua, vị chua sinh can, can chủ cân, can sinh tâm, can chủ mắt. Ở trời là huyền, ở người là đạo, ở đất là hoá, hoá sinh ra hiểu biết. Huyền sinh ra thân, ở trời là phong, ở đất là mộc, ở mình mảy là gân, ở tạng là can, ở sắc là màu xanh rêu, ở thanh là tiếng

hồ, ở biến động là nắm chặt tay lại, ở chí là giận dữ. Giận dữ thì hại gan, buồn thì thắng giận dữ, phong thì hại gân, táo thắng phong, chua thì hại gân, cay thắng chua...

3. Ngũ hành trong thiên " Hồng phạm" .

Trong sách "Đại cương triết học sử Trung Quốc" (trang 141) ông Phùng Hữu Lan viết (*):

"Tiếng "Ngũ hành" thường được dịch là năm yếu tố. Nhưng ta không nên coi chúng là những yếu tố tĩnh, mà nên coi là năm thế lực động có ảnh hưởng trên nhau. Tiếng "hành" có nghĩa là "làm", "hoạt động"; cho nên chữ ngũ hành theo nghĩa đen, có nghĩa là năm hoạt động, hay năm tác nhân. Người ta cũng gọi là "ngũ đức", có nghĩa là năm thế lực.

"Chữ ngũ hành đã có trong một văn bản theo truyền thuyết được viết vào thế kỷ XX trước tây lịch (xem Thư kinh, phần III, quyển II, thiên 1 ,3). Ta không thể chứng minh sự chân thực của bản văn ấy, nhưng, dầu có thật, ta cũng không thể chắc rằng chữ ngũ hành trong ấy có cùng nghĩa với trong các văn bản khác, mà thời đại được định rõ hơn. Sự đề cập đầu tiên, phần đích xác về ngũ hành được thấy trong đoạn văn khác của Thư kinh (phần V, quyển IV), dưới tên "Hồng phạm", nghĩa là "khuôn lớn".

"Truyền thuyết cho biết rằng thiên "Hồng phạm" thuật lại lời Cơ Tử cáo với vua Vũ nhà Chu. Tử là một vương hầu nhà Thương, bị vu Vũ lật đổ vào cuối thế kỷ XII trước tây lịch.

"Trong bài cáo, Cơ Tử cho những ý nghĩa của mình là của vua Vũ, người sáng lập nhà Hạ, theo truyền thuyết, sống vào thế kỷ XXII trước tây lịch. Chúng tôi nêu truyền thuyết này là coi như ví dụ về thể thức, theo đó tác giả Thư kinh đã thử mang lại sự trọng yếu cho thuyết ngũ hành. Về thời đại thật của thiên "Hồng phạm" thì khoa học hiện đại có ý đặt vào thế kỷ thứ IV hay III.

"Trong thiên "Hồng phạm" ta thấy bản "Cửu trù, thứ nhất trong cửu trù là ngũ hành, thứ nhất trong ngũ hành là thủy, nhì là hỏa, ba là mộc, tư là kim, năm

là thổ. (Tính) thủy là ướt và xuống; hỏa là cháy và lên; mộc là cong và thẳng; kim là theo và đổi; thổ là để gieo mạ làm mùa".

"Theo đó là phạm trù của ngũ sự: "Thứ nhì là ngũ sự. Nhất là đáng; nhì là lời; ba là thấy; tư là nghe; năm là nghĩ. Đáng là phải kính, lời là phải xuôi, thấy là phải sáng, nghe là phải rõ, nghĩ là phải sâu. Kính làm cho nghiêm; xuôi làm cho đều; sáng làm cho khôn; rõ làm cho lạnh; sâu làm cho thánh".

"Với phạm trù thứ 8 trong cửu trù, ta đến cái mà "Hong phạm" gọi là dấu.

"Thứ 8 là các dấu, là mưa, là sáng, là nóng, là lạnh, là gió, là hợp thời. Nếu cả năm đến chỉ theo thứ tự mỗi cái, thì cỏ tốt tươi. Một cái rất nhiều, là dữ; một cái rất ít, là dữ. Dấu tốt là: Đức nghiêm của vua có mưa hợp thời; đức đều có nắng hợp thời; đức khôn có ấm hợp thời; đức lạnh có lạnh hợp thời; đức thánh có gió hợp thời. Dấu xấu là: Khùng thì mưa luôn; lẩn thì nắng luôn, nhác thì nóng luôn, gấp thì lạnh luôn, tối thì gió luôn".

"Trong thiên "Hong phạm" ta thấy ý tưởng ngũ hành còn ở trong giai đoạn chưa hoàn thành, tác giả đang còn tư tưởng bằng từ ngũ những vật thể có thật như nước, lửa v.v... thay vì tư tưởng bằng những lực lượng trừu tượng mang các tên ấy như ngũ hành được quan niệm về sau. Tác giả cũng cho ta biết rằng nhân gian và tạo vật có liên hệ với nhau; cách cai trị sai lầm của ông vua sẽ tạo ra những hiện tượng bất thường trong trời đất. Lý thuyết này được phụ diễn đầy đủ về sau bởi âm dương gia, người ta gọi là thuyết "thiên nhân tương dữ".

"Hai lý thuyết được đưa ra để giải thích lý do của sự hỗ tương ảnh hưởng nói trên. Thuyết thứ nhất này, thì chỉ cách cư xử sai lầm của ông vua làm cho trời nổi giận. Sự giận của trời gây ra những hiện tượng bất thường trong tự nhiên, tức là trời báo trước cho vua biết. Thuyết thứ hai thuộc về duy cơ thuyết.

Theo thuyết này, thì cách cư xử sai lầm của ông vua sẽ tự nhiên gây ra rối loạn trong trời và đất và do đó những hiện tượng bất thường cũng xảy ra một cách máy móc. Toàn thể vũ trụ là một cơ giới, khi một phần của cơ giới ra khỏi trật tự, thì những phần khác cũng bị tổn thương. Thuyết này biểu thị cho tinh thần khoa học của âm dương gia, còn thuyết thứ nhất phản ánh những nguồn gốc huyền bí...".

4. Ngũ hành trong thiên nguyệt lệnh

Sách Đại cương triết học sử Trung Quốc (trang 143) ông Phùng Hữu Lan viết:

"Sau thiên "Hong phạm", tài liệu trọng yếu nhất của âm dương gia là thiên "Nguyệt lệnh". Thiên này trước hết thấy được chép trong sách Lã thị xuân thu, tác phẩm vào cuối thế kỷ thứ 3 trước tây lịch. Về sau, thiên ấy được đưa vào sách Lễ ký.

"Nguyệt lệnh" có tên ấy, vì vốn là cuốn lịch trình cho vua là mọi người nói chung những bốn phận phải làm hàng tháng, để cho hợp với thời thời. Cách cấu tạo vũ trụ trong thiên này được diễn tả bằng từ ngữ của âm dương gia. Cách cấu tạo này có tính chất vũ trụ, nghĩa là liên quan tới thời gian và không gian. Người Trung Hoa xa ở về bắc bán cầu tất phải coi phương nam là phương của sức nóng và phương bắc là phương của khí lạnh. Vì lý do ấy, âm dương gia đưa ra sự tương quan giữa bốn mùa và bốn phương. Mùa hè có tương quan tới phương nam; mùa đông, phương bắc; mùa xuân, phương đông; vì mặt trời mọc ở phương đông; mùa thu phong tây, vì mặt trời lặn ở phương tây. Phái này cũng coi sự thay đổi của bốn mùa trong năm vào một tỷ lệ nhỏ. Cho nên buổi sáng tượng trưng là mùa xuân; buổi trưa, mùa hè; buổi chiều, mùa thu; buổi tối, mùa đông.

"Phương nam và mùa hè thì nóng, vì phương nam và mùa hè là lúc mà hành hỏa mạnh hơn cả; phương bắc và mùa đông thì lạnh vì phương bắc là phương và mùa đông là lúc hành thủy mạnh hơn cả; nước lại liên hệ tới nước đá và tuyết là vật lạnh. Cũng vậy, mộc là hành mạnh ở phương đông và mùa xuân, bởi vì mùa xuân là mùa mà cỏ bắt đầu mọc, và vì phương đông có liên quan tới mùa xuân. Hành kim mạnh ở phương tây và mùa thu, bởi vì kim khí được coi là cứng và thô, vì mùa thu là mùa gió, cây cỏ hết mùa, và vì phương tây có liên quan tới mùa thu. Như vậy, bốn mùa trong năm hành đã được cất nghĩa. Chỉ còn hành thổ là chưa có vị trí và mùa. Nhưng theo thiên "Nguyệt lệnh", thổ là hành chính của ngũ hành, vì vậy nó được vị trí trung ương của bốn mùa; lúc mà thổ mạnh là vào một khoảng ngắn giữa mùa hè và mùa thu.

"Do lý thuyết vũ trụ ấy, âm dương gia đã cố giải thích những hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ vừa thời gian vừa không gian, và còn chủ trương rằng những hiện tượng ấy còn liên quan tới tâm tính con người, vì vậy, như đã nói ở trên thiên "Nguyệt lệnh" đa ra những điều lệ mà ông vua phải theo từng tháng, do đó mà có tên "Nguyệt lệnh".

"Vì vậy có người nói: "Tháng giêng, mùa xuân, gió xuân thổi tan hơi lạnh. Sinh vật nam im trong mùa đông bắt đầu vùng dậy... Đó là mùa khí trời toả xuống, khí đất xông lên. Trời đất hoà hợp với nhau, cây cỏ đâm chồi nảy lộc". (Lễ ký, thiên 4).

"Bởi vì cách cư xử của người phải hoà hợp với đạo trời trong tháng đó, cho nên (vua) sai công khanh đại phu ban bố đạo đức, điều hoà mệnh lệnh để làm điều vui, thi ơn cho triều dân . . . Cấm chặt cây, không được lật tổ . . . Trong tháng đó không thể dấy binh; dấy binh ắt bị hoạ trời. Không dấy binh nghĩa là không khởi sự trước".

Nếu, trong một tháng, ông vua không làm theo khuôn phép tháng đó mà lại theo quy tắc cư xử hợp cho tháng khác, thì những hiện tượng bất thường ngoài tự nhiên sẽ xảy ra tháng mạnh xuân mà thi hành lệnh mùa hè, thì mưa không hợp thời, cỏ cây khô héo, quốc gia luôn có điều sợ. Nếu thi hành lệnh mùa thu, thì dân có bệnh dịch lớn. Gió dữ, mưa mạnh sẽ tới.

Nếu thi hành lệnh mùa đông, thì nước lụt sẽ làm hại, tuyết sương rơi nhiều.

5. Lời bàn về ngũ hành của Trâu Diễn

Trong sách Đại cương triết học sử Trung Quốc, trang 145 ông Phùng Hữu Lan viết:

"Về quan niệm của Trâu Diễn đối với sử ký, Tư Mã Thiên viết: "Trước hết, kể việc nay trở lên tới Hoàng đế, học giả ai cũng thuật, cũng theo thịnh suy của đời mà chép điếm tốt xấu của chế độ, suy xa hơn, cho tới khi trời đất chưa sinh, tới chỗ tối tăm mờ mịt chưa có thể khảo cứu tới được... Cho tới khi trời đất phân,

thì nói sự vận chuyển, biến hoá của ngũ hành, chính trì, mọi điều ứng với mọi hành.

"Lịch sử quan:

"Những dòng cuối của đoạn văn trên cho ta thấy Trâu Diễn (âm dương gia thế kỷ III trước tây lịch) đã triển khai một lịch sử quan mới, theo đó những biến chuyển lịch sử đều được giải thích ăn khớp với sự vận chuyển và biến hoá của ngũ hành. Chi tiết của thuyết này không được Tư Mã Thiên thuật lại, nhưng được chép trong một đoạn sách Lã thị xuân thu, mặc dầu tên của Trâu Diễn không được nói rõ. Sách này chép (VIII,2):

"Phàm đế vương sắp lên ngôi, trời đất trước hiện điềm lành cho hạ dân. Thời Hoàng đế, thì trời hiện nhiều màu vàng, nhiều đế. Hoàng đế nói: "Khí đất thắng". Khí đất thắng nên sắc chuộng màu vàng, việc phỏng theo hành thổ.

"Đến đời vua Vũ (người khai sáng nhà Hạ), trời trước hiện ra cỏ cây, thu đông không chết. Vua Vũ nói: "khí gỗ thắng nên " sắc chuộng màu xanh, việc phỏng theo hành mộc.

"Đến thời vua Thang (người khai sáng nhà Thương), trời trước hiện ra lưỡi dao trong nước. Vua Thang nói: "Khí kim thắng".

Khí kim thắng nên sắc chuộng màu trắng, việc phỏng theo hành kim.

"Đến đời vua Văn (người khai sáng nhà Chu), trời trước hiện ra lửa, qua đỏ ngậm sách đỏ đậu tại nền xã nhà Chu. Vua Văn nói: "Khí lửa thắng". Khí lửa thắng nên sắc chuộng màu đỏ, việc phỏng theo hành hoả.

"Thay cho lửa tắt là nước, trời lại trước hiện ra khí nước thắng. Khí nước thắng, nên sắc chuộng màu đen, việc phỏng theo hành thủy... Khi vòng đã đủ, lại bắt đầu từ hành thổ".

"Âm dương gia chủ trương ngũ hành tương sinh, tương khắc theo một thứ tự cố định. Phái ấy cũng chủ trương rằng sự liên tục của bốn mùa là phù hợp với tiến trình tương sinh của ngũ hành. Cho nên một thịnh mùa xuân, sinh hoả, mùa hè; hoả lại sinh thổ, thịnh ở "trung ương"; thổ lại sinh kim, thịnh mùa thu; kim sinh thủy, thịnh mùa đông; thủy lại sinh mộc, thịnh mùa xuân.

"Cũng theo đoạn trên thì sự kế tục các triều đại cũng hợp theo sự kế tục tự nhiên của ngũ hành. Cho nên hành thổ là hành của vua Hoàng đế trị vì, được thay đổi bởi hành kim của nhà Thương. Hành hoả của nhà Chu thắng hành kim, và hành hoả đến lượt nó, lại bị thua bởi hành thủy của một triều này, lại bị thay bởi hành thổ của triều tiếp theo, nh vậy sự tuần hoàn đã đủ...

"Những ý tưởng ấy, được trình bày trong sách Lã thị xuân thu, chỉ là một thuyết, nhưng sau đó lại được áp dụng trong phạm vi chính trị thực tế. Vì vậy vào năm 221 trước tây lịch, vua Tần Thủy Hoàng (246-210 trước TL) chinh phục mọi nước chư hầu cạnh tranh và thống nhất đế quốc Trung Hoa dưới danh hiệu nhà Tần. Vì là người kế tục nhà Chu, Thủy Hoàng tin chắc rằng: "Khí nước thắng" cho nên theo sách Sử ký của Tư Mã Thiên, ông 'lấy màu đen làm gốc' và, 'việc theo hành thủy'. "Tên sông Hoàng Hà, theo Sử ký, được đổi là Đức thủy, vì lấy đức của hành thủy làm đầu. Cứng rắn và hà khắc, mọi người đều quyết định theo pháp luật, khắc họa, vô nhân, ân và nghĩa, sau mới hợp với số của ngũ đức". (quyển 6).

"Do sự hà khắc quá đáng ấy mà nhà Tần chẳng trị vì được lâu, tiếp theo đó là nhà Hán cũng tin rằng họ lên ngôi là do một trong ngũ đức, nhưng người ta bàn luận nhiều để biết là đức nào. Một số người cho rằng nhà Hán là tiếp theo nhà Tần, do đó cai trị thì theo hành thổ, một số người khác lại cho rằng nhà Tần quá là hà khắc và quá ngắn, không thể kể vào các triều đại chính thống, vì vậy, thật ra là nhà Hán lên ngôi tiếp theo nhà Chu. Ý kiến hai bên đều dựa vào nhiều điều, mà người ta giải thích mỗi người một cách.

Cuối cùng, vào năm 104, Vũ có quyết định và tuyên bố rõ ràng hành thổ là đức của nhà Hán. Tuy vậy, sau đó cũng còn nhiều ý kiến khác được nêu ra.

Sau nhà Hán, người ta không chú trọng nhiều đến vấn đề ấy nữa. Nhưng vào cuối năm 1911, khi triều đại cuối cùng bị lật đổ bởi chính phủ Trung Hoa dân quốc, tôn hiệu của Hoàng đế vẫn là: "Hoàng đế thừa (mệnh) trời, theo sự vận chuyển (của ngũ hành)..."

6. Lời bàn về ngũ hành trong vũ trụ luận của Đông Trạng Thư (179-101 trước tây lịch)

Trong Đại cương triết học sử Trung Quốc (ĐCTHSTQ) (trang 198) ông Phùng Hữu Lan viết:

"Theo Đồng Trọng Thư, vũ trụ gồm mười loại thành phần: Trời, đất, âm, dương, ngũ hành, (mộc, hoả, thổ, kim, thủy) và người, tư tưởng ông về âm dương rất là cụ thể. ông nói:

"Trong khoảng trời đất là khí âm dương, thường bao bọc người như nước bao bọc cá. Sở dĩ khác với nước là thấy được và không thấy được mà thôi".

"Thứ tự ngũ hành do Đồng Trọng Thư đưa ra có khác với thứ tự trong thiên "Hồng phạm" (xem chương XII trong sách này).

Theo ông thì "một là mộc, hai là hoả, ba là thổ, bốn là kim, năm là thủy. Một trong năm hành đến lượt nó sinh ra hành sau; mỗi hành, đến lượt lại thắng bởi hành thứ hai đến sau." (thiên 42). Cho nên mộc sinh hoả, hoả sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc. Đó là quá trình tương sinh.

Nhưng mộc thắng thổ, thổ thắng thủy, thủy thắng hoả, hoả thắng kim, kim thắng mộc, đó là quá trình tương khắc...

"Theo Đồng Trọng Thư, cũng như âm dương gia, thì mộc, hoả, thổ, kim, thủy, mỗi hành chủ một trong 4 mùa và 4 phương.

Mộc chủ phương đông và mùa xuân; hoả chủ phương nam và mùa hạ; kim chủ phương tây và mùa thu; thủy chủ phương bắc và mùa đông. Thổ thì chủ trung ương và giúp cho các hành khác. Bốn mùa luân lưu là do sự biến hoá của âm dương.

"Âm và dương thịnh, suy theo những vòng cố định mang chúng qua khắp bốn phương. Dương hể thịnh thì dời sang đông giúp cho mộc để là mùa xuân. Dương càng thịnh thì dời sang nam giúp cho hoả để làm mùa hạ. Nhưng theo những luật phổ quát về "phản phục" của Lão Tử và "Dịch truyện" hể có thịnh phải có suy. Vì vậy dương cực thịnh thì bắt đầu suy, để đến lượt âm thịnh.

"Âm thịnh, thì dời sang tây giúp cho kim để làm mùa thu; âm càng thịnh, lại dời sang bắc giúp cho thủy để làm mùa đông. Nhưng cực thịnh thì âm lại suy, và dương lại bắt đầu một chu kỳ mới.

"Cho nên sự đổi thay và thuận tự của bốn mùa là do âm dương và do kế tục của âm dương mà thành; Đổng Trọng Thư nói: "Lẽ thường của trời đất là do một dương một âm, dương là đức của trời, âm là hình của trời. . . Đạo trời cổ ba mùa (xuân, hạ, thu) đẻ thành và sinh, và một mùa (đông) để tang và chết. (thiên 49).

"Vậy theo họ Đổng, điều ấy cho ta thấy rằng: 'trời tin ở dương mà không tin ở âm; hiếu đức mà không hiếu hình'. (thiên 47). "Điều ấy cũng cho thấy rằng trời có những nỗi vui, giận và có cả tâm trí để cảm thấy buồn, khổ, sung sướng giống như tình cảm của người. Vậy nếu sắp loại thì trời và người là một" (thiên 49).

"Do đó, người là phó bản, là hình ảnh thu gọn của trời, về khía cạnh sinh lý cũng như tâm lý, " (thiên 41). Vì vậy người có địa vị cao quý hơn cả trong muôn vật. Người, trời, đất, là gốc của muôn vật". "Trời sinh ra, đất dưỡng dục, người hoàn thành" . (thiên 19) Để làm trọn sự hoàn thành ấy, Đổng Trọng Thư cho rằng phải cần tới lễ nhạc, tức là văn minh và văn hoá. Nếu không văn minh và văn hoá, thì thiên hạ khác nào một công tác dở dang, và trời đất cũng không thể hoàn thành. Cho nên, về trời, đất và người, ông nói: "cả ba cũng như tay, chân hợp lại thành hình thể không thể thiếu được một". (thiên 19).